

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HÀ TĨNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 111/2026/HS-ST
Ngày: 28/8/2026

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÀ TĨNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Quang Năng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đức

Ông Nguyễn Văn Tuấn.

Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thanh Huyền – Thư ký TAND tỉnh Hà Tĩnh

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Lý – Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 8 năm 2026 tại Hội trường xét xử - Tòa án nhân dân tỉnh Hà Tĩnh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 96/2026/TLST-HS ngày 22 tháng 7 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2026/QĐXXST-HS ngày 18 tháng 8 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Khánh T; Tên gọi khác: Không; Giới tính: Nam; Sinh ngày 07 tháng 6 năm 1977 tại: phường T, tỉnh Hà Tĩnh; Nơi ĐKKHKT và nơi ở: TDP T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh; Trình độ học vấn: 12/12; Nghề nghiệp: Kinh doanh; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông: Trương Khắc L, Sinh năm 1943; Con bà: Đậu Thị T1, Sinh năm: 1945; Anh chị em ruột: có 05 người, bị cáo là con thứ ba; Vợ: Trương Thị H, Sinh năm: 1982; Con: 04 người, lớn nhất sinh năm 2011, nhỏ nhất sinh năm 2021; Tiền án, tiền sự: Không; Bị áp dụng biện pháp ngăn chặn Cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 07/02/2026 đến nay; Có mặt.

Nguyên đơn dân sự: Thuế tỉnh Hà Tĩnh; Người đại diện hợp pháp: Ông Nguyễn Thành T2 – Kiểm tra viên Thuế tỉnh H; Địa chỉ: Phường T, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1. Bà [Nguyễn Thị L1](#), sinh năm 1986; Địa chỉ: [Số nhà B, ngõ B đường T, thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Kế toán tại [Công ty cổ phần X](#); Có mặt.
2. Bà [Ngô Thị T3](#), sinh năm 1990. Địa chỉ: [Thôn N, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng tại [Công ty cổ phần X](#); Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
3. Bà [Lý Thị P](#), sinh năm 1993. Địa chỉ: [Thôn H, xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Nhân viên bán hàng tại [Công ty cổ phần X](#); Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt.
4. Bà [Trương Thị H](#), sinh năm 1982; Địa chỉ: [Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Thủ quỹ tại [Công ty cổ phần X](#); Có mặt.
5. Bà [Nguyễn Thị Thu H1](#), sinh năm 1986. Địa chỉ: [Tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt
6. Ông [Lê Văn L2](#), sinh năm 1982; Địa chỉ: [Phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Thợ làm đá; Vắng mặt.
7. Ông [Phan Đ](#), sinh năm 1979. Địa chỉ: [Tổ dân phố Y, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Làm nhân công về đá granite; Có mặt.
8. Ông [Từ Văn D](#), sinh năm 1988. Địa chỉ: [Thôn N, Xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Làm nhân công về đá granite; Vắng mặt.
9. Ông [Từ Văn T4](#), sinh năm 1988. Địa chỉ: [Thôn L, xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Làm nhân công về đá granite; Vắng mặt.
10. Ông [Nguyễn Văn D1](#), sinh năm 1983. Địa chỉ: [Thôn Đ, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Kinh doanh; Vắng mặt.
11. Ông [Đậu Văn Đ1](#), sinh năm 1979. Địa chỉ: [Thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#); Nghề nghiệp: Làm nhân công về đá granite; Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

[Công ty cổ phần X](#), trụ sở tại [thôn T, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#) được [Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh H](#) cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3001683724, cấp lần đầu ngày 23/7/2013 do [Trương Khánh T](#), giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, người đại diện theo pháp luật của Công ty. Ngành nghề kinh doanh chính là mua bán đá Granite. Công ty thực hiện kê khai thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ, sử dụng hóa đơn giá trị gia tăng điện tử và áp dụng niên độ kế toán từ ngày 01/01 đến ngày 31/12 hằng năm.

Công ty có 03 cổ đông sáng lập gồm: [Trương Khánh T](#), [Nguyễn Viết T5](#) (sinh năm 1953, trú tại [thôn N, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) và [Trương Văn T6](#) (sinh năm 1979, trú tại [tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)). Tuy nhiên, [Nguyễn Viết T5](#) và [Trương Văn T6](#) chỉ đứng tên trong hồ sơ đăng ký doanh nghiệp, không góp vốn, không tham gia quản lý, điều hành, hưởng lợi từ hoạt động của Công ty. Mọi hoạt động kinh doanh, quản lý tài chính, kế toán, thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty đều do [Trương Khánh T](#) trực tiếp thực hiện và quyết định. Quá trình hoạt động, Công ty có [Nguyễn Thị L1](#) (sinh năm 1986, trú tại [thôn B, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) giữ chức vụ Kế toán trưởng; [Ngô Thị T3](#) (sinh năm 1990, trú tại [thôn N, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) và [Lý Thị P](#) (sinh năm 1993, trú tại [thôn H, xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#)) là nhân viên bán hàng, được giao nhiệm vụ trực tiếp bán đá Granite và thu tiền của khách hàng; [Nguyễn Thị Thu H1](#) (sinh năm 1986, trú tại [tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) và [Trương Thị H](#) (sinh năm 1982, trú tại [tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) là nhân viên phụ trách quản lý vật tư, hậu cần của Công ty.

Theo hồ sơ kê khai thuế và báo cáo tài chính, trong các năm 2022, 2023 và 2024, [Công ty cổ phần X](#) thường xuyên mua bán đá Granite với nhiều tổ chức, cá nhân. Doanh thu bán hàng đã kê khai năm 2022 là: 7.892.336.606 đồng, năm 2023 là: 17.022.126.587 đồng và năm 2024 là: 9.863.807.485 đồng. Ngoài việc nhập đá [G](#) có nguồn gốc hợp pháp, có hóa đơn giá trị gia tăng theo quy định, [Trương Khánh T](#) còn trực tiếp mua đá Granite trôi nổi trên thị trường, chủ yếu từ các lái xe container đến chào bán. Việc mua bán được thanh toán bằng tiền mặt, không lập hợp đồng, xuất hóa đơn giá trị gia tăng hoặc chứng từ mua bán. Trong quá trình điều hành hoạt động kinh doanh từ năm 2022 đến năm 2024, [Trương Khánh T](#) nhận thấy nhiều khách hàng cá nhân, chủ yếu là các thợ thi công đá nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh, không có nhu cầu lấy hóa đơn giá trị gia tăng khi mua hàng nên [T](#) nảy sinh ý định che giấu doanh thu bán hàng nhằm giảm số thuế phải nộp cho Nhà nước. [T](#) trực tiếp chỉ đạo [Ngô Thị T3](#) và [Lý Thị P](#) bán đá Granite cho các khách hàng cá nhân nhưng không ghi nhận các giao dịch này vào hệ thống theo dõi kế toán của Công ty. Đến kỳ kê khai thuế, [Trương Khánh T](#) chỉ cung cấp cho [Nguyễn Thị L1](#) các chứng từ, hóa đơn liên quan đến những giao dịch cần kê khai, còn toàn bộ thông tin về các giao dịch bán đá Granite cho khách hàng là cá nhân [T](#) không được cung cấp để kế toán hạch toán doanh thu, lập hóa đơn giá trị gia tăng và kê khai thuế theo quy định. Để che giấu doanh thu từ hoạt động bán hàng, [Trương Khánh T](#) còn mượn tài khoản số 1025627422, [ngân hàng V](#) mang tên [Ngô Thị T3](#) để nhận tiền thanh toán của khách hàng đối với các giao dịch không xuất hóa đơn giá trị gia tăng. Sau khi nhận được tiền chuyển khoản, [Ngô Thị T3](#) theo chỉ đạo của [Trương Khánh T](#) chuyển lại hoặc rút ra giao tiền mặt cho [T](#) quản lý, sử dụng. Việc sử dụng tài khoản ngân hàng mang tên nhân viên nhằm che giấu các

khoản doanh thu này khỏi tài khoản của Công ty về doanh thu thực tế, không hạch toán vào sổ sách kế toán và không kê khai nộp thuế theo quy định của pháp luật.

Trong thời gian từ năm 2022 đến năm 2024, [Trương Khánh T](#) đã che giấu doanh thu thực tế phát sinh từ việc bán tổng cộng 28.996m² đá Granite các loại, trị giá tiền hàng 14.555.200.900 đồng (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng) cho 07 khách hàng cá nhân, gồm: [Lê Văn L2](#) (sinh năm 1982, trú tại [phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 4.542m², trị giá 2.565.102.331 đồng; [Đậu Văn L3](#) (sinh năm 1997, trú tại [tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 6.253m², trị giá 2.611.765.613 đồng; [Nguyễn Văn D1](#) (sinh năm 1983, trú tại [thôn Đ, xã T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 4.206m², trị giá 2.767.975.727 đồng; [Đậu Văn Đ1](#) (sinh năm 1979, trú tại [thôn P, xã C, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 6.259m², trị giá 3.692.261.466 đồng; [Phan Đ](#) (sinh năm 1979, trú tại [tổ dân phố T, phường T, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 4.484m², trị giá 1.739.496.195 đồng; [Từ Văn D](#) (sinh năm 1988, trú tại [thôn N, xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 2.183m², trị giá 821.267.212 đồng và [Từ Văn T4](#) (sinh năm 1982, trú tại [thôn N, xã V, tỉnh Hà Tĩnh](#)) mua 1.069m², trị giá 357.332.356 đồng. Đối với các giao dịch nêu trên, [Trương Khánh T](#) trực tiếp chỉ đạo việc bán hàng, thu tiền và quản lý toàn bộ doanh thu phát sinh. Tiền mặt do khách hàng thanh toán được các nhân viên bán hàng là [Ngô Thị T3](#) và [Lý Thị P](#) giao trực tiếp cho [T](#). Đối với các khoản tiền khách hàng chuyển khoản vào tài khoản số 1025627422 mang tên [Ngô Thị T3](#) theo chỉ đạo của [Trương Khánh T](#), trong thời gian từ đầu năm 2022 đến cuối năm 2022, [T3](#) chuyển tiền cho [Nguyễn Thị Thu H1](#); từ cuối năm 2022 đến năm 2024, chuyển tiền cho [Trương Thị H](#) để rút tiền mặt giao lại cho [T](#) quản lý, sử dụng. Toàn bộ doanh thu từ việc bán hàng cho 07 khách hàng cá nhân không được ghi nhận vào sổ sách kế toán của Công ty, không lập hóa đơn giá trị gia tăng và không kê khai nộp thuế theo quy định.

*** Tài liệu, đồ vật thu giữ:**

- Tiền VNĐ: 1.355.063.059 đồng, đang được tạm giữ tại tài khoản của [Công an tỉnh H](#).

*** Trách nhiệm dân sự:** Quá trình điều tra, [Trương Khánh T](#) tự nguyện nộp số tiền 1.355.063.059 đồng để khắc phục hậu quả của hành vi trốn thuế.

*** Kết luận giám định:**

Tại Bản kết luận giám định ngày 02/02/2026 của [Thuế tỉnh H](#), kết luận:

- Về hành vi trốn thuế:

Việc [Công ty cổ phần X](#) không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai nộp thuế GTGT theo quy định đối với khoản giá trị hàng hóa 14.555.200.900 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) từ hoạt động bán hàng hóa trong năm 2022, năm 2023, năm 2024

là hành vi trốn thuế Theo quy định tại Điều 143 luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

- Số tiền thuế trốn:

Năm 2022 Công ty kê khai số thuế GTGT phải nộp 0 đồng và không có số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau (2023) do còn Thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh là 90.363.993 đồng. Số Thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh còn lại là 222.735.515 đồng.

Nên số thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu không xuất hóa đơn, không kê khai, nộp thuế năm 2022 (594.273.830 đồng) bù trừ cho thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư còn lại là 222.735.515 đồng, số thuế GTGT phát sinh phải nộp còn lại chính là số thuế GTGT đã trốn; Số thuế GTGT đã trốn năm 2022: **371.538.315 đồng** (*Bằng chữ: Ba trăm bảy mươi một triệu năm trăm ba mươi tám nghìn ba trăm mười lăm đồng*).

Năm 2023 Công ty kê khai số thuế GTGT phải nộp 107.763.533 đồng và có số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau (2024) là 0 đồng do còn Thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh là 222.735.515 đồng.

Do số Thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh là 222.735.515 đồng đã bù trừ cho năm 2022 nên số thuế GTGT đã trốn là: tổng số thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu không xuất hóa đơn, không kê khai, nộp thuế năm 2023 (429.415.469 đồng) và số thuế GTGT mua vào của Dự án đầu tư được bù trừ thuế GTGT còn phải nộp của hoạt động sản xuất kinh doanh (222.735.515 đồng).

Số thuế GTGT đã trốn năm 2023: **652.150.984 đồng** (*Bằng chữ: Sáu trăm năm mươi hai triệu một trăm năm mươi nghìn chín trăm tám mươi tư đồng*).

Năm 2024 Công ty kê khai số thuế GTGT phải nộp 108.846.400 đồng và có số thuế GTGT còn được khấu trừ chuyển sang kỳ sau (2025) là 0 đồng nên số thuế GTGT đầu ra tương ứng với doanh thu không xuất hóa đơn, không kê khai, nộp thuế chính là số thuế GTGT đã trốn; Số thuế GTGT đã trốn năm 2024: 299.510.783 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm chín mươi chín triệu năm trăm mười nghìn bảy trăm tám mươi ba đồng*).

- Tổng số thuế GTGT đã trốn của [Công ty cổ phần X](#) là: **1.323.200.082 đồng** (*Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn không trăm tám mươi hai đồng*). (Bút lục số: 42-47)

Tại Bản kết luận giám định bổ sung ngày 16/4/2026 của [Thuế tỉnh H](#), kết luận:

- Về hành vi trốn thuế: Việc [Công ty Cổ phần X](#) không xuất hóa đơn GTGT, không kê khai nộp thuế GTGT theo quy định đối với khoản giá trị hàng hóa 14.555.200.900 đồng (đã bao gồm thuế GTGT) từ hoạt động bán hàng hóa trong năm 2022, năm 2023, năm 2024 là hành vi trốn thuế Theo quy định tại Điều 143 luật Quản lý Thuế số 38/2019/QH14 ngày 13 tháng 6 năm 2019.

- Số tiền thuế trốn:

+ Số tiền thuế GTGT trốn: Ngày 02/02/2026 [Thuế tỉnh H](#) ban hành Kết luận giám định xác định: số tiền đã trốn thuế GTGT là **1.323.200.082 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn không trăm tám mươi hai đồng).

+ Số tiền thuế TNDN trốn:

Cơ sở ấn định: Căn cứ tỷ lệ thu nhập chịu thuế TNDN/Doanh thu kỳ tính thuế năm 2022, 2023, 2024 của 3 doanh nghiệp cùng ngành nghề, quy mô tại địa bàn tỉnh Hà Tĩnh để xác định thu nhập chịu thuế tăng thêm, từ đó xác định số tiền thuế trốn của [Công ty Cổ phần X](#). Cụ thể như sau:

DVT: đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2022	Năm 2023	Năm 2024	Tổng
1	Doanh thu	5.942.738.300	4.294.154.693	2.995.107.825	
2	Tỷ lệ TNCT/DT	2,38%	0,71%	0,53%	
3	Thu nhập chịu thuế	141.211.784	30.374.544	15.842.951	
4	Thuế suất thuế TNDN	17%	17%	17%	
5	Số thuế TNDN trốn	24.006.003	5.163.672	2.693.302	31.862.977

Như vậy, Số thuế TNDN trốn của [Công ty Cổ phần X](#) là **31.862.977 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

+ Các loại thuế khác: Không có căn cứ để xác định.

Tổng số thuế đã trốn của [Công ty Cổ phần X](#) là:

+ Thuế GTGT: **1.323.200.082 đồng** (Bằng chữ: Một tỷ ba trăm hai mươi ba triệu hai trăm nghìn không trăm tám mươi hai đồng) ([Thuế tỉnh H](#) ban hành Kết luận giám định ngày 02/02/2026).

+ Thuế TNDN: **31.862.977 đồng** (Bằng chữ: Ba mươi một triệu tám trăm sáu mươi hai nghìn chín trăm bảy mươi bảy đồng).

Bản cáo trạng số 64/CT-VKS-P1 ngày 21/7/2026 của Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh truy tố bị cáo [Trương Khánh T](#) về tội “Trốn thuế” theo quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự. Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố tại phiên tòa giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo về tội danh, điều luật áp dụng như nội dung bản cáo trạng và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt [Trương Khánh T](#) từ 24 tháng tù đến 30 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách tính từ 48 tháng đến 60 tháng. Hình phạt bổ sung: Áp dụng khoản 4 Điều 200, khoản 2 Điều 32, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo [Trương Khánh T](#) số tiền 40 triệu đồng đến 50 triệu đồng.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình giải quyết vụ án, bị cáo [Trương Khánh T](#) đã nộp lại toàn bộ số tiền 1.355.063.059 đồng trốn thuế, nên về vấn đề trách nhiệm dân sự trong vụ án không có nội dung gì cần xem xét.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự: Đối với số tiền 1.355.063.059 đồng mà bị cáo [Trương Khánh T](#) tự nguyện giao nộp trong quá trình giải quyết vụ án, đề nghị trả lại cho nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh Hà Tĩnh số tiền 1.355.063.059 đồng để nộp ngân sách Nhà nước.

Tại phiên tòa, bị cáo không tranh luận về tội danh và điều luật áp dụng, chỉ đề nghị Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử: Cơ quan điều tra [Công an tỉnh H](#), Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hà Tĩnh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa, bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa bị cáo khai nhận tội đúng như nội dung đã được nêu tóm tắt ở phần nội dung vụ án. Xét lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai của nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng như các tài liệu, chứng cứ khác có tại hồ sơ vụ án. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Từ năm 2022 đến năm 2024, [Trương Khánh T](#), Chủ tịch Hội đồng quản trị kiêm Giám đốc, người đại

diện theo pháp luật của [Công ty cổ phần X](#), là người trực tiếp quản lý, điều hành toàn bộ hoạt động sản xuất, kinh doanh, tài chính và thực hiện nghĩa vụ thuế của Công ty, đã lợi dụng việc khách hàng cá nhân mua đá Granite không có nhu cầu lấy hóa đơn giá trị gia tăng để thực hiện hành vi trốn thuế. [Trương Khánh T](#) chỉ đạo nhân viên bán đá Granite cho 7 khách hàng cá nhân nhưng không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không cung cấp chứng từ, thông tin về các giao dịch này cho nhân viên kế toán để kê khai thuế; đồng thời mượn tài khoản ngân hàng của nhân viên Công ty để nhận tiền thanh toán bán hàng để ngoài hệ thống sổ sách kế toán của Công ty nhằm che giấu doanh thu với cơ quan quản lý thuế. Bằng phương thức, thủ đoạn nêu trên, [Trương Khánh T](#) đã che giấu doanh thu phát sinh từ việc bán **28.996m² đá Granite các loại**, giá trị tiền hàng **14.555.200.900 đồng** (đã bao gồm thuế giá trị gia tăng), không xuất hóa đơn giá trị gia tăng, không kê khai nộp thuế theo quy định. Theo Kết luận giám định của [Thuế tỉnh H](#), số tiền thuế trốn là **1.355.063.059 đồng**, gồm thuế giá trị gia tăng **1.323.200.082 đồng** và thuế thu nhập doanh nghiệp **31.862.977 đồng**. Bị cáo có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, thực hiện hành vi với lỗi cố ý. Hành vi của bị cáo đủ yếu tố cấu thành tội “Trốn thuế”, tội phạm và hình phạt quy định tại khoản 3 Điều 200 Bộ luật Hình sự.

[3] Bị cáo không có tình tiết tăng nặng và được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự thành khẩn khai báo, tự nguyện khắc phục hậu quả, có bố vợ là [Trương Văn T7](#) tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Nhì; mẹ vợ là [Phạm Thị Phương L4](#) tham gia kháng chiến chống Mỹ cứu nước, được tặng Huân chương Kháng chiến hạng Ba quy định tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

[4] Xét tính chất, mức độ hậu quả của hành vi phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy đây là hành vi nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến quy định, chính sách quản lý kinh tế trong việc quản lý thuế, gây thiệt hại đến lợi ích kinh tế của Nhà nước, xâm phạm đến trật tự, an toàn xã hội. Khi thực hiện hành vi phạm tội, bị cáo nhận thức rõ được hành vi của bản thân là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý phạm tội nên cần phải xử lý nghiêm minh để trừng trị, giáo dục bị cáo và góp phần răn đe, đấu tranh phòng, chống các tội phạm xâm phạm về trật tự quản lý kinh tế. Theo quy định tại khoản 3 Điều 200 của Bộ luật Hình sự, hành vi phạm tội của bị cáo bị phạt tiền từ 1.500.000.000 đồng đến 4.500.000.000 đồng hoặc phạt tù từ 02 năm đến 07 năm, quá trình xét xử bị cáo không chứng minh được khả năng tài chính để áp dụng hình phạt tiền, do đó Hội đồng xét xử quyết định áp dụng hình phạt tù đối với bị cáo. Tuy nhiên, xét bị cáo nhân thân tốt, lần đầu phạm tội, có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú rõ ràng, sau khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo đã tích cực khắc phục hậu quả nộp lại toàn bộ số tiền trốn thuế 1.355.063.059 đồng nên cần xem xét cho bị cáo được hưởng chính sách

khoan hồng của pháp luật, xử phạt bị cáo hình phạt tù cho hưởng án treo cũng đủ điều kiện để cải tạo và giáo dục đối với bị cáo.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 200, khoản 2 Điều 32, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, phạt bổ sung phạt tiền đối với bị cáo mức tiền phù hợp hành vi phạm tội.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Buộc [Công ty cổ phần X](#), bị cáo [Trương Khánh T](#) phải bồi thường số tiền trốn thuế cho [nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh H](#). Quá trình giải quyết vụ án bị cáo [Trương Khánh T](#) đã tự nguyện bồi thường toàn bộ số tiền trốn thuế 1.355.063.059 đồng, nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh Hà Tĩnh không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

[7] Về xử lý vật chứng: Số tiền 1.355.063.059 đồng bị cáo [Trương Khánh T](#) giao nộp hiện đang được quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.904228200000 của Công an tỉnh mở tại Kho bạc nhà nước khu vực XII, vì vậy cần trả lại cho nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh Hà Tĩnh số tiền thiệt hại là 1.355.063.059 đồng để nộp ngân sách nhà nước.

[8] Xét luận tội của Kiểm sát viên là có căn cứ, đúng pháp luật, về mức án đề nghị là phù hợp.

[9] Những nội dung liên quan khác trong vụ án:

- Đối với [Nguyễn Viết T5](#) và [Trương Văn T6](#), kết quả điều tra xác định [Nguyễn Viết T5](#) và [Trương Văn T6](#) chỉ đứng tên là cổ đông sáng lập của [Công ty cổ phần X](#), thực tế không góp vốn, không tham gia quản lý, điều hành hoạt động sản xuất, kinh doanh, không được [Trương Khánh T](#) trao đổi, bàn bạc hoặc phân công thực hiện các hoạt động của Công ty và không hưởng lợi từ hoạt động của Công ty. Do đó, không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự đối với [Nguyễn Viết T5](#) và [Trương Văn T6](#).

- Đối với [Nguyễn Thị L1](#), [Ngô Thị T3](#), [Lý Thị P](#), [Nguyễn Thị Thu H1](#) và [Trương Thị H](#) là nhân viên công ty: Kết quả điều tra xác định [Nguyễn Thị L1](#) chỉ thực hiện công việc kê khai thuế, lập báo cáo tài chính trên cơ sở hồ sơ, chứng từ do [Trương Khánh T](#) cung cấp; [Ngô Thị T3](#) và [Lý Thị P](#) chỉ thực hiện việc bán hàng, thu tiền theo phân công; [Nguyễn Thị Thu H1](#) và [Trương Thị H](#) chỉ thực hiện việc nhận tiền chuyển khoản, rút tiền mặt giao lại cho [Trương Khánh T](#) theo chỉ đạo. Những người này không được giao quản lý, điều hành hoạt động của Công ty, không quản lý sổ sách kế toán, không được [Trương Khánh T](#) trao đổi hoặc thông báo về việc che giấu doanh thu, không biết mục đích trốn thuế của [Trương Khánh T](#). Do đó, Cơ quan CSĐT [Công an tỉnh H](#) không xem xét trách nhiệm hình sự đối với những người này là có căn cứ.

- Đối với [Lê Văn L2](#), [Đậu Văn L3](#), [Nguyễn Văn D1](#), [Đậu Văn Đ1](#), [Phan Đ](#), [Từ Văn D](#) và [Từ Văn T4](#), là những khách hàng mua đá của Công ty: Kết quả điều tra xác định, các cá nhân này là những người trực tiếp mua đá Granite của [Công ty cổ phần X](#) để thi công các công trình nhỏ lẻ trên địa bàn tỉnh Hà Tĩnh. Quá trình mua bán, các cá nhân đã thanh toán đầy đủ tiền hàng nhưng không yêu cầu Công ty xuất hóa đơn giá trị gia tăng do không có nhu cầu sử dụng. Việc xuất hóa đơn giá trị gia tăng thuộc trách nhiệm của [Công ty cổ phần X](#). Đối với hành vi mua hàng không kèm hóa đơn và hoạt động kinh doanh của các cá nhân này, Cơ quan điều tra đã chuyển thông tin đến cơ quan thuế để kiểm tra, xác minh và xử lý theo quy định của pháp luật.

[10] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo [Trương Khánh T](#) phạm tội “Trốn thuế”.

Căn cứ khoản 3 Điều 200; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38, Điều 65 Bộ luật Hình sự, xử phạt [Trương Khánh T](#) 24 (hai mươi tư) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách 48 tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về hình phạt bổ sung: Căn cứ khoản 4 Điều 200, khoản 2 Điều 32, khoản 2, 3 Điều 35 Bộ luật Hình sự, xử phạt bổ sung bị cáo [Trương Khánh T](#) số tiền 40.000.000đ (bốn mươi triệu đồng).

2. Về trách nhiệm dân sự: Áp dụng Điều 48 Bộ luật Hình sự, Điều 584, Điều 585 và 589 của Bộ luật dân sự buộc [Công ty cổ phần X](#), bị cáo [Trương Khánh T](#) phải bồi thường số tiền 1.355.063.059 đồng cho [nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh H](#). Hiện bị cáo đã bồi thường đủ. Nguyên đơn dân sự không có yêu cầu gì thêm về trách nhiệm dân sự.

3. Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự trả lại cho nguyên đơn dân sự Thuế tỉnh Hà Tĩnh số tiền thiệt hại là 1.355.063.059 đồng hiện đang được quản lý tại tài khoản tạm giữ số 3949.0.904228200000 của Công an tỉnh mở tại Kho bạc nhà nước khu vực XII để nộp ngân sách Nhà nước.

4. Về án phí: Căn cứ Điều 135, Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Buộc bị cáo [Trương Khánh T](#) phải nộp 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Căn cứ các Điều 331, 333 Bộ luật Tố tụng Hình sự: Bị cáo, nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án này trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ. (Nguyên đơn dân sự, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo phần bản án có liên quan đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình).

Nơi nhận:

- Tòa phúc thẩm TAND tối cao tại Hà Nội;
- Viện CT&KS xét xử phúc thẩm tại Hà Nội;
- CA, VKS, THA tỉnh Hà Tĩnh;
- Bị cáo;
- Nguyên đơn dân sự;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HSVA, THS, VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Quang Năng